



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ  
PHÒNG THÔNG TIN - VĂN HÓA

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh  
Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: 84-4-831-4580 -- Fax: 84-4-831-4601

BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ  
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH THÔNG TIN QUỐC TẾ  
CÁC BÀI VIẾT VỀ DÂN CHỦ

**BẢO VỆ QUYỀN CỦA NHÓM NGƯỜI THIẾU SỐ**  
*Tinsley Yarbrough*

*"Tôi mơ ước rằng bốn đứa con nhỏ của tôi một ngày nào đó sẽ được sống ở một đất nước mà ở đó chúng không bị đánh giá qua màu da, mà qua chính nhân cách của chúng."*

*-- Tiến sĩ Martin Luther King Jr.*

*Bài diễn văn tại Washington trong cuộc diễu hành tháng 8 năm 1963.*

Các nhà soạn thảo Hiến pháp Mỹ đã để lại cho thế hệ mai sau một giải pháp cho vấn đề nô lệ, và cuộc Nội chiến và Tái thiết chỉ là sự cứu giúp tạm thời cho những người nô lệ trước đây và con cháu của họ trước nạn phân biệt chủng tộc. Tuy nhiên, vào giữa những năm 50, Tòa án Tối cao Mỹ đã bắt đầu xem xét chặt chẽ về mặt pháp luật các đạo luật phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da hay nguồn gốc dân tộc, cấm hầu hết mọi hình thức phân biệt chủng tộc dựa vào chính phủ.

Quốc hội cũng bắt đầu ngăn cấm các hành vi phân biệt chủng tộc trong khu vực công và tư nhân trong bầu cử, việc làm, nơi cư trú công cộng, nhà ở và các chương trình do liên bang tài trợ. Sau đó, Tòa án Tối cao đã tiến hành tăng cường xem xét các đạo luật dựa trên yếu tố giới tính, trong khi Quốc hội không chỉ cấm phân biệt giới tính trong nhiều lĩnh vực mà còn ngăn cấm các hình vi đối xử bất bình đẳng dựa trên yếu tố tàn tật.

Tranh luận xoay quanh việc mở rộng thêm các khái niệm bình đẳng đã hình thành nên một số giai thoại đau thương nhất, song có ảnh hưởng sâu rộng trong lịch sử nước Mỹ. Có lẽ, ngoại trừ trong xã hội thuần nhất, sự đối xử công bằng với những nhóm người thiểu số luôn là một trong những trách nhiệm cơ bản, gây nhiều tranh cãi nhất của một quốc gia. Không có cách thức nào để xã hội có thể đối xử như nhau với tất cả mọi người, đồng thời lại thực hiện được các chức năng hợp pháp của mình. Thông thường, chính phủ có nghĩa vụ phân chia ranh giới giữa các quy định pháp luật, chia tách hoặc phân loại người dân thành các nhóm riêng rẽ và đối xử với thành viên của nhóm dân cư này ít nhiều thiên vị hơn so với thành viên nhóm dân cư khác. Mức thuế suất khác nhau tùy theo mức thu nhập, yêu cầu độ

tuổi tối thiểu trong bầu cử, hoặc lấy bằng lái xe là những ví dụ phổ biến về những quy định này. Chừng nào những quy định này đáp ứng được những lợi ích xã hội to lớn và hợp pháp, thì hình thức phân loại này còn được coi là chính đáng và công dân phải tuân thủ.

Ngược lại, về bản chất, những chính sách phân biệt các nhóm người dựa trên chủng tộc, nguồn gốc dân tộc, xuất thân, giới, tín ngưỡng tôn giáo hoặc những nhân tố có liên quan sẽ bị xem là không phù hợp với các mục tiêu của chính phủ vốn được người dân coi là những mục tiêu hợp pháp. Nếu chính phủ đối xử với người dân này ít nhiều thiên vị hơn so với người dân khác dựa vào các đặc điểm dòng dõi hoặc những lý do khác vốn hầu như không có quan hệ với lợi ích người dân nhận được hay trách nhiệm mà họ phải gánh vác, thì sẽ dẫn tới hoài nghi cho rằng các quan chức đáng ngờ đó đang hành động hoàn toàn theo những định kiến và các nhận định phiến diện, chứ không theo đuổi những mục đích công khai hợp pháp rõ ràng.

Tuy nhiên, ngoài các nguyên tắc này, mức độ ở đó việc phân loại nhóm người bị xem là bất công và đáng bị lên án phần lớn dựa vào các quan điểm thống trị trong xã hội. Các nhóm đối tượng vốn chỉ chiếm thiểu số trong xã hội, có những đặc điểm thể chất hoặc lối sống khác biệt bị các nhóm dân cư khác coi là kỳ lạ và không hấp dẫn, từ lâu luôn phải đối mặt với tình trạng không có tư cách pháp lý do chính phủ áp đặt hoặc tuân theo những tín ngưỡng và hành vi tôn giáo hoặc chính trị không chính thống, thì phản ứng xã hội đòi thay đổi rất mạnh mẽ và sự đồng hóa hoàn toàn các nhóm này trong xã hội dường như không thể tránh khỏi.

Việc ngược đãi nhóm người thiểu số và những nhóm khác không chỉ hạn chế ở các chế độ độc tài hoặc không tôn trọng pháp quyền. Những năm 60, mặc dù từ lâu đã có truyền thống cam kết các nguyên tắc dân chủ và công bằng cơ bản, song người Anh đã phải đối phó với tình trạng đối xử với người nhập cư da màu. Hơn thế nữa cuộc đấu tranh lịch sử chống chế độ nô lệ và các tàn dư của nó rõ ràng là một trong những bước tiến xã hội và pháp lý sâu sắc nhất trong kinh nghiệm của nước Mỹ.

Ngay cả khi một quốc gia quyết định xóa bỏ nạn phân biệt chủng tộc đối với các nhóm người thiểu số hoặc các nhóm dân cư thiệt thòi khác, sau đó cần giải đáp được câu hỏi cách thức nào là phù hợp để giảm thiểu phân biệt đối xử. Có nên ràng buộc chính sách chống phân biệt đối xử với riêng các quan chức chính phủ thôi không? Hoặc có nên mở rộng việc áp dụng những chính sách đó đối với cả cá nhân và các tổ chức hay không? Điều đó đã đủ để xóa bỏ vấn đề phân biệt đối xử hay chưa? Chẳng hạn như có cần phải khắc phục các hậu quả do tình trạng bất bình đẳng trong quá khứ gây ra thông qua đối xử ưu đãi với người dân thuộc các nhóm thiệt thòi trong vấn đề tìm kiếm việc làm, thăng tiến, học đại học hoặc những quyền lợi khác hay không? Tóm lại, có phải bất bình đẳng trong quá khứ mang lại quyền lợi trong tương lai hay không? Nếu đúng, nên hạn chế các quyền lợi này riêng đối với những đối tượng bị phân biệt đối xử trong quá khứ hay mở rộng cho tất cả các đối tượng thuộc một nhóm dân cư cụ thể nào đó không?

## PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ: SỰ SỈ NHỤC ĐỐI VỚI XÃ HỘI DÂN CHỦ

Hầu như trong suốt lịch sử của mình, nước Mỹ luôn gặp phải những câu hỏi như thế này trong khi giải quyết một loạt các vấn đề có ảnh hưởng tới các nhóm thiểu số và các nhóm thiệt thòi khác - từ cuộc đấu tranh đầy gian khổ chống chế độ nô lệ và tàn dư của nó cho đến việc nước Mỹ mở rộng áp dụng các nguyên tắc về bình đẳng đối với sự phân biệt về giới và các hình thức phân biệt đối xử phi chủng tộc khác, cho tới những nỗ lực nhằm định nghĩa và bảo đảm phạm vi cạnh tranh bình đẳng cho người Mỹ tàn tật, cho đến những nỗ lực gần đây nhằm đưa vấn đề đồng giới vào trong quyền riêng tư được pháp luật bảo vệ.

Nhiều nguyên tắc cơ bản đã xuất hiện trong những phong trào này. Trước hết đó là quan niệm cho rằng bất cứ hình thức phân biệt đối xử nào cũng là điều sỉ nhục đối với khái niệm về một xã hội mở, dân chủ. Tổng thống John F. Kennedy đã hùng hồn tuyên bố nguyên tắc này trong bài phát biểu trước toàn thể quốc dân năm 1963, sau phán quyết của tòa yêu cầu xóa bỏ nạn phân biệt chủng tộc tại trường Đại học Alabama nhằm phản đối George Wallace, Thống đốc bang Alabama có tư tưởng phân biệt chủng tộc. "Tôi hy vọng", tổng thống đã phát biểu trong buổi tối hôm đó, "rằng tất cả người dân Mỹ dù sống ở đâu hãy dừng lại và suy xét lương tâm mình về vấn đề này và những vấn đề khác có liên quan. Quốc gia này do con người từ nhiều quốc gia và có những hoàn cảnh xuất thân khác nhau xây dựng lên. Quốc gia này được hình thành dựa trên nguyên tắc mọi người sinh ra đều bình đẳng và một khi quyền bình đẳng của một người dân bị đe dọa, thì quyền bình đẳng của mọi người dân sẽ bị thu hẹp".

Sau đó, vào mùa hè năm đó, Martin Luther King, Jr., nhà hoạt động dân quyền xuất sắc nhất trong thời đại đó, đã trình bày một cách hết sức cảm động một nguyên tắc cơ bản khác của phong trào bình đẳng trong bài diễn văn "Tôi mơ ước", đưa cuộc tuần hành đòi quyền dân sự tại Washington năm đó lên cao trào. Phát biểu trước đám đông 200.000 người trong lễ tưởng niệm Tổng thống Abraham Lincoln, người đã ký Tuyên ngôn Giải phóng chấm dứt chế độ nô lệ, Tiến sĩ King đã công khai chỉ trích sự bình đẳng trong một xã hội mà ở đó các chính sách công và hoạt động của cá nhân đều dựa vào những nhận định phiến diện về giá trị con người. "Tôi mơ ước", King tuyên bố, "rằng bốn đứa con nhỏ của tôi một ngày nào đó sẽ được sống ở một đất nước mà ở đó chúng không bị đánh giá qua màu da của chúng, mà qua chính nhân cách của chúng".

Cuối cùng, phong trào bảo vệ các nhóm người thiểu số và các nhóm dân cư thiệt thòi khác đã có được động cơ thúc đẩy và nhận được sự ủng hộ thông qua những cân nhắc thực tế về tư lợi. Nếu một xã hội cho phép phân biệt đối xử với một tầng lớp người nào đó, thì điều gì sẽ ngăn chặn xã hội đó tăng thêm ảnh hưởng cho những định kiến khác của mình? Nhiều công dân thấy rằng phân biệt đối xử với những người thuộc một chủng tộc, tôn giáo, sắc tộc hoặc hành đạo hoặc định hướng không chính thống có thể sẽ dẫn đến những cuộc tấn công đối với các nhóm đối tượng khác.

## CHIẾN DỊCH CHỐNG CHẾ ĐỘ NÔ LỆ

Bị tác động bởi những mối lo ngại trên, nước Mỹ đã dần xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử không bao giờ còn chấp nhận được, tiến hành tấn công những hình thức đó trên các mặt tư pháp, lập pháp và hành pháp cũng như bằng dư luận. Chiến dịch chống chế độ nô lệ và những tàn dư của nó là một trong

những chiến dịch khó khăn và dai dẳng nhất. Vào những năm 80 khi nước Mỹ kỷ niệm 200 năm ngày thông qua Hiến pháp, Thurgood Marshall, người Mỹ gốc Phi đầu tiên từng làm việc trong Tòa án Tối cao của Mỹ năm 1967, cho rằng những người cùng chủng tộc như ông chẳng có lý do gì để hoan nghênh việc ban hành bản Hiến pháp đầu tiên. Thay vào đó, ông Marshall cho rằng những người Mỹ gốc Phi nên hoan nghênh các Điều luật bổ sung thứ 13, 14 và 15 của Hiến pháp, các lệnh cấm chế độ nô lệ và phân biệt đối xử trong bỏ phiếu và trong các lĩnh vực khác của đời sống đất nước trong thời kỳ Nội chiến và Tái thiết.

Có thể cho rằng Thẩm phán Marshall đã đứng ở nhiều khía cạnh. Xét cho cùng, Hiến pháp đầu tiên năm 1787 đã qui định một người nô lệ chỉ tính bằng 3/5 của một người tự do khi xác định dân số của mỗi bang và theo đó là quy mô đại biểu của bang đó trong Hạ Viện - một Viện của Quốc hội. Hiến pháp cũng qui định một điều khoản nghiêm cấm việc thông qua bất cứ điều luật bổ sung hoặc đạo luật nào nhằm hạn chế việc nhập khẩu nô lệ cho tới năm 1808 và Hiến pháp cũng đảm bảo cho chủ nô quyền được trả lại các nô lệ đã bỏ trốn, thậm chí ngay cả khi nô lệ đã trốn chạy tới các bang có pháp luật nghiêm cấm chế độ nô lệ. Hơn thế nữa, ngay khi xảy ra cuộc Nội chiến đẫm máu xung quanh vấn đề nô lệ và những vấn đề có liên quan, Tòa án Tối cao còn phán quyết trong vụ *Dred Scott kiện Sanford* (1857) là người Mỹ gốc Phi, dù là người tự do hay nô lệ, không phải là công dân Mỹ ; không được hưởng các quyền vốn được Hiến pháp bảo vệ cho công dân.

Sau cuộc Nội chiến, Quốc hội đã thông qua và các bang cũng phê chuẩn một loạt các điều luật bổ sung của Hiến pháp nhằm bảo đảm quyền công dân đầy đủ cho những người vốn là nô lệ đã được tự do trong cuộc nội chiến theo Tuyên bố Giải phóng do Tổng thống Abraham Lincoln ký năm 1863. Điều khoản chính trong Điều luật bổ sung thứ 14, được phê chuẩn năm 1868, ghi nhận rằng: "Không một bang nào được ban hành hay thực thi bất kì đạo luật nào nhằm hạn chế các đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Mỹ; cũng không một bang nào được phép tước đoạt sinh mệnh, tự do hoặc tài sản của bất kì cá nhân nào mà không thông qua một quy trình do luật định; cũng không thể phủ nhận quyền của con người được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng trong phạm vi thẩm quyền tài phán của bang đó."

Việc thông qua và sớm thực thi các điều luật bổ sung trong thời kỳ Tái thiết mới chỉ chấm dứt một phần và tạm thời nạn phân biệt đối xử đối với các nhóm người thiểu số tại Mỹ. Bằng quyền lực thực thi các điều khoản trong điều luật bổ sung, Quốc hội đã thông qua một số các đạo luật dân quyền quan trọng. Ví dụ như Đạo luật Dân quyền năm 1875 nghiêm cấm phân biệt chủng tộc hoặc phân biệt đối xử trên các phương tiện giao thông công cộng, khách sạn và nhà hát. Tuy nhiên, ngay cả khi đã thông qua Điều luật bổ sung thứ 14, Quốc hội vẫn cho phép nạn phân biệt chủng tộc diễn ra trong trường học tại Thủ đô Washington. Ngoài ra, khi lòng nhiệt tình quốc gia trong thời kỳ Tái thiết suy yếu vào những năm 70 và 80 thế kỷ 19, Tòa án Tối cao đã tiến hành giải thích theo nghĩa hẹp hoặc bác bỏ các đạo luật dân quyền bị cho là không hợp hiến đã được Quốc hội thông qua.

## THĂNG TRẦM CỦA CÁC ĐẠO LUẬT PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Tòa án Tối cao sau thời kỳ Tái thiết cũng đã bàn đến việc thông qua các đạo luật phân biệt đối xử. Trong vụ *Plessy kiện Ferguson* (1896), Tòa án Tối cao đã ủng hộ việc các bang có quyền đặt ra phân biệt chủng tộc trên xe lửa và các phương tiện công cộng và tư nhân khác, với điều kiện tiện nghi có phân biệt đối xử là "bình đẳng". Đa số cho rằng các đạo luật phân biệt đối xử đã tác động như nhau đến người da trắng và người da đen, không sỉ nhục hay hạ thấp bất cứ chủng tộc nào. Các bang cũng có thể quyết định rằng những đạo luật như vậy là cần thiết để thúc đẩy hòa bình và trật tự công cộng.

Chỉ có Thẩm phán John Marshall Harlan, một chủ nô tại Kentucky trước đây, là có quan điểm bất đồng. Ông xem thường quan điểm của nhóm đa số cho rằng các đạo luật phân biệt đối xử đã đối xử bình đẳng người da trắng chiếm đa số với những người nô lệ trước đây và trong quan điểm của mình, ông cho rằng theo các điều luật bổ sung trong thời kỳ Tái thiết thì "Hiến pháp của chúng ta bị mù màu không biết hoặc không thừa nhận những giai cấp khác nhau trong công dân. Về vấn đề dân quyền, tất cả mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật". Như Harlan tiên đoán, việc Tòa án Tối cao đồng tình cho phép các bang duy trì tình trạng gần như nô lệ đối với người Mỹ gốc Phi, "cũng nguy hiểm không kém như phán quyết đưa ra của phiên tòa trong vụ Dred Scott".

Nửa năm sau vụ *Plessy*, hình thức "có phân biệt song bình đẳng" vẫn được duy trì trong luật đất đai và đôi khi chỉ có những hình thức phân biệt chủng tộc rõ ràng nhất mới bị tòa án xóa bỏ. Tuy nhiên, vào những năm 30 và 40, Tòa án Tối cao cũng bắt đầu để tâm nhiều hơn đến các đạo luật phân biệt đối xử và các hình thức phân biệt chủng tộc có liên quan. Chú thích Bốn nổi tiếng trong quan điểm của Thẩm phán Harlan Fiske Stone đại diện cho Tòa án Tối cao trong vụ *Hợp chủng quốc kiện Công ty Carolene Products* (1938) đã bị liệt trong số những đạo luật có nhiều khả năng thuộc diện phải được xem xét chặt chẽ về mặt pháp lý "các định kiến đối với nhóm người thiểu số riêng rẽ bị cách ly". Mặc dù Tòa án Tối cao viện dẫn lý do về sự cần thiết về mặt quân sự để ủng hộ việc trừng phạt người Mỹ gốc Nhật trong thời Chiến tranh Thế giới lần Thứ hai, song đại diện cho đa số Thẩm phán Hugo L. Black nhấn mạnh rằng "tất cả các hạn chế pháp luật nhằm thu hẹp quyền dân sự của một nhóm chủng tộc đơn lẻ là rất đáng nghi ngờ". Tại một trong những phán quyết quan trọng nhất trong giai đoạn này, Tòa án Tối cao đã bắt đầu chú ý đến tình trạng phân biệt đối xử trong lĩnh vực giáo dục đại học và đào tạo chuyên môn. Vụ *Sweatt kiện Painter* (1950) không chỉ kết luận rằng trường luật bang được thành lập gần đây dành cho sinh viên da đen là thấp kém hơn so với trường luật của Đại học Texas dành cho sinh viên da trắng, mà còn kết luận rằng khi đánh giá xem những trường có phân biệt đối xử có bình đẳng hay không, thì tòa án xét xử cần tính đến các nhân tố vô hình cũng như hữu hình - "những đặc trưng này (như danh tiếng của tổ chức) tuy không thể đánh giá khách quan, song nó tạo nên địa vị của trường luật".

Nhờ có sự giải thích chặt chẽ của Tòa án Tối cao về học thuyết phân biệt song bình đẳng trong vụ này mà Thurgood Marshall, sau này trở thành Luật sư của Hiệp hội vì Sự tiến bộ của Người Da màu (NAACP) cùng với các luật sư dân quyền khác cho rằng đã đến lúc phải thử thách bản thân học thuyết này, đặc biệt là quan điểm của học thuyết này cho rằng các phương tiện giao thông có phân biệt đối xử có thể vẫn bình đẳng. Sau một quá trình tranh luận rộng rãi, ngày 17 tháng 5 năm 1954, Tòa án Tối cao đã ủng hộ quan điểm này. Học tập tại các trường có phân biệt đối xử theo quy định pháp luật, như

Chánh Thẩm phán Earl Warren phán quyết trong phiên tòa có quan điểm hoàn toàn nhất trí của vụ *Brown kiện Hội đồng Giáo dục* và những vụ tương tự, có những cảm nhận về sự thấp kém hơn của trẻ em của các nhóm người thiểu số, gây ảnh hưởng xấu tới khả năng học hành của chúng. Do đó, hoạt động giáo dục tại những trường này không bao giờ là bình đẳng và không nhất quán với các yêu cầu về bảo đảm "bảo vệ công bằng" trong Điều luật bổ sung thứ 14. Trong phán quyết thứ hai có quan điểm hoàn toàn nhất trí của vụ *Brown II*, một năm sau đó, Chánh Thẩm phán Warren đã chỉ thị cho các tòa án cấp dưới và ban giám hiệu các trường phải nhanh chóng tiến tới xóa bỏ nạn phân biệt đối xử tại các trường công.

Trước khi Chánh thẩm phán Warren nghỉ hưu năm 1969, Tòa án Tối cao và các tòa án cấp dưới cũng đã xóa bỏ nạn phân biệt đối xử diễn ra trong nhiều lĩnh vực khác của đời sống kể cả đạo luật của bang Virginia nghiêm cấm việc kết hôn giữa các chủng tộc. Dưới thời Chánh Thẩm phán Warren Burger (nhiệm kì 1969-1986) và William H. Rehnquist (1986-), Tòa án Tối cao đã cho phép các thẩm phán có quyền xử lý rất lớn trong các vụ kiện phân biệt đối xử tại trường học, kể cả chỗ sinh viên bằng xe buýt theo lệnh của tòa án nhằm đảm bảo sự hòa nhập giữa các trường tại những khu vực có phân biệt chủng tộc và ấn định các chỉ tiêu dựa trên yếu tố chủng tộc đối với các tổ chức sinh viên và cán bộ. Tuy nhiên, những phán quyết này cũng đã phân biệt rõ ràng giữa phân biệt đối xử *chính thức* và phân biệt đối xử *thực tế* (vốn nảy sinh từ mô hình nhà ở có phân biệt đối xử), các phán quyết này cho rằng hình thức phân biệt đối xử thực tế không bị Hiến pháp nghiêm cấm. Đa số cũng yêu cầu các tòa án bỏ các sắc lệnh phân biệt đối xử khi đã có sự tuân thủ rộng rãi nhằm tiến tới chuyển đổi hệ thống nhà trường hai cấp phân chia theo chủng tộc thành một hệ thống thống nhất. Cuối cùng, Tòa án Tối cao chỉ giới hạn áp dụng phạm vi đảm bảo của "bảo vệ bình đẳng" trong Điều luật bổ sung thứ 14 đối với các chính sách có nội dung phân biệt, chứ không đơn thuần đối với tác động hỗn tạp về mặt chủng tộc.

Trong khi hệ thống tòa án Mỹ, xét dưới nhiều phương diện, đi đầu trong việc đạt được những thành tựu về bình đẳng chủng tộc, thì Nhà Trắng và Quốc hội cũng đã đề ra nhiều biện pháp bảo vệ đáng kể chống lại tệ phân biệt này. Trước làn sóng phản đối trong nước với các cuộc xung đột bạo lực giữa cảnh sát và những người biểu tình đòi dân quyền tại Birmingham, bang Alabama, chính quyền Kennedy đã đưa ra đạo luật dân quyền có ảnh hưởng sâu rộng mà sau đó Tổng thống Lyndon B. Johnson đã đệ trình lên Quốc hội sau khi Tổng thống Kennedy bị ám sát năm 1963. Được Quốc hội thông qua nhằm điều chỉnh quan hệ thương mại giữa các bang và thực thi các điều khoản của Điều luật bổ sung thứ 14, Đạo luật Dân quyền năm 1964 nghiêm cấm các hình thức phân biệt chủng tộc và các hình thức phân biệt đối xử khác có liên quan trong vấn đề nhà ở công cộng, việc làm và các chương trình do liên bang tài trợ. Việc áp dụng điều khoản cuối cùng này có hiệu lực hơn nhiều so với lệnh của tòa án trong việc thúc đẩy xóa bỏ nạn phân biệt đối xử tại trường công. Sau những vụ bạo lực chống người biểu tình đòi quyền bầu cử tại Alabama, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Quyền Bầu cử năm 1965, nghiêm cấm việc kiểm tra trình độ dân trí và các hình thức kiểm tra cử tri khác tại các bang có lịch sử phân biệt đối xử khi đăng kí cử tri và yêu cầu các bang này phải được quan chức liên bang "thông qua trước" trước khi ban hành luật bầu cử mới. Đạo luật bầu cử năm 1965 đã làm tăng đáng kể số lượng cử tri người Mỹ gốc Phi đăng ký tại các bang miền Nam và giảm tương ứng việc sử dụng kháng cáo có tính phân biệt chủng tộc trên chính trường. Hơn thế nữa, thông qua Đạo luật về Nhà ở Công bằng năm 1968, Quốc hội đã tiến tới xóa bỏ hình thức phân biệt đối xử trong hầu hết các giao dịch nhà ở.

## QUYỀN CỦA TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI THIỂU SỐ

Tất nhiên, người Mỹ gốc Phi không phải là mục tiêu duy nhất của nạn phân biệt đối xử diễn ra tại nước Mỹ. Lịch sử đối xử của nước Mỹ với người Mỹ bản địa thật đáng tiếc. Trong nhiều năm, Quốc hội và các Tòa án đã tăng cường mở rộng về hướng Tây làm phương hại đến quyền sở hữu tài sản của người da đỏ, tước đoạt đất đai của họ và cô lập họ trong điều kiện sống tồi tàn tại những vùng đất dành riêng cho họ.

Nhưng cuối cùng người da đỏ đã có quyền công dân và quyền bầu cử. Hơn thế nữa, vào đầu những năm 60, các nhóm dân quyền da đỏ đã vận động, giành được những thắng lợi quan trọng về quyền săn bắn, đánh cá và đất đai, trong đó có quyền bảo vệ nơi mai táng và các địa điểm linh thiêng khác. Tuy nhiên, trong một vụ án quan trọng năm 1990, Tòa án Tối cao đã từ chối mở rộng việc áp dụng quyền bảo vệ có ý nghĩa này đối với hoạt động nghi lễ sử dụng chất metcalin của một số bộ lạc, phán quyết rằng hoạt động tín ngưỡng này phải tuân thủ luật hình sự không có phân biệt tôn giáo, bao gồm cả các quy định về ma túy.

Người dân Mỹ gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha cũng gặp phải những khó khăn tương tự khi tham gia vào đời sống nước Mỹ. Những rào cản về ngôn ngữ và những lo ngại của nước Mỹ về vấn đề nhập cư bất hợp pháp, đặc biệt là từ Méhicô đã khiến cho những người Mỹ gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha có nhiều khả năng trở thành mục tiêu của nạn phân biệt đối xử trong lĩnh vực việc làm, nhà ở và giáo dục. Hơn thế nữa, tiếng Tây Ban Nha đã trở thành mục tiêu chính của phong trào biến tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính thức của nước Mỹ, song người Mỹ gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, cũng như những nhóm dân cư thiểu số khác của Mỹ cũng đã giành được nhiều bước tiến trong những năm gần đây. Năm 1982, Tòa án Tối cao đã bác bỏ một chính sách của bang Texas, theo đó không cho trẻ em không có giấy tờ là con cái của những người nhập cư bất hợp pháp học tại các trường công, và các thẩm phán nhấn mạnh đến tầm quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển tương lai của trẻ em.

Mặc dù không phải là nhóm người thiểu số trong xã hội Mỹ, song phụ nữ Mỹ, cũng như phụ nữ ở hầu hết các nước, trước kia cũng phải chịu nhiều thiệt thòi do những định kiến về giới. Trước khi Điều luật bổ sung thứ 19 của Hiến pháp Mỹ được thông qua năm 1920, các tòa án thường ủng hộ luật của các bang, trong đó phủ nhận quyền bầu cử của phụ nữ. Một số quyết định trước đó còn duy trì các đạo luật ngăn cấm phụ nữ hành nghề luật, y hoặc những nghề nghiệp khác. Thực tế, cuối năm 1961, Tòa án Tối cao đã ủng hộ một đạo luật của bang Florida theo đó không cho phụ nữ tham gia bồi thẩm đoàn trừ phi họ bày tỏ mong muốn được tham gia một cách đặc biệt. Tuy nhiên, dường như yếu tố giới tính không phù hợp bằng so với yếu tố chủng tộc để chính phủ lấy đó làm cơ sở hợp lý phân chia lợi ích và trách nhiệm. Giống như người Mỹ gốc Phi, phụ nữ từ lâu cũng bị loại ra khỏi đời sống chính trị một cách có hệ thống và do đó mất đi cơ hội kiểm soát chính số phận mình.

Trên cơ sở những cân nhắc trên, Quốc hội đã liệt kê yếu tố giới vào trong số những hình thức phân biệt đối xử trong vấn đề việc làm trong Đạo luật Dân quyền năm 1964. Mục IX của các Điều luật bổ sung Giáo dục năm 1972 cấm các trường có nhận ngân sách của liên bang phân biệt đối xử đối với nữ sinh viên. Dưới áp lực của Tổ chức Phụ nữ Quốc gia (NOW) và các tổ chức khác, năm đó, Quốc hội đã đề xuất để cơ quan lập pháp các bang phê chuẩn Điều luật bổ sung về Quyền bình đẳng (ERA), trong đó

qui định "nước Mỹ hoặc bất kì bang nào không có quyền tước bỏ hoặc giảm bớt sự bình đẳng về quyền theo qui định của pháp luật vì lý do giới tính", cũng như trao quyền thực thi cho Quốc hội. Tuy nhiên, cuối cùng, ERA không được thông qua bởi không đủ số bang cần thiết phê chuẩn và Tòa án Tối cao nhìn chung đã từ chối coi hình thức phân loại nhóm người theo yếu tố giới ngang hàng với việc phân loại nhóm người theo chủng tộc. Tuy nhiên, Năm 1971, Tòa án Tối cao lần đầu tiên đã bác bỏ một đạo luật phân biệt giới tính dựa trên những nguyên tắc "bảo vệ bình đẳng" và vài năm sau, nhóm đa số trong Tòa án phán quyết rằng các đạo luật dựa trên vấn đề giới là "có vẻ đáng ngờ" và chỉ được ủng hộ để có hiệu lực khi những đạo luật này liên quan đáng kể tới quyền lợi quan trọng của chính phủ. Do phụ nữ có quyền không chồng mà vẫn có con, nên quyền phá thai vốn gây nhiều tranh cãi được thừa nhận trong vụ *Roe kiện Wade* (1973) cũng được nhiều phụ nữ coi là biện pháp bảo vệ chống lại phân biệt đối xử về giới của nhiều phụ nữ cũng như biện pháp bảo đảm sự riêng tư cá nhân.

Nhìn chung, nước Mỹ miễn cưỡng ngăn cấm phân biệt đối xử dựa trên yếu tố đồng giới tính hoặc thừa nhận quyền cho phép vị thành niên có quan hệ tình dục đồng tính. Một số thành phố, các địa hạt hay các bang đã xếp yếu tố đồng giới thuộc những hình thức phân loại bị nghiêm cấm và cho tới nay, chỉ có một số ít bang công nhận hôn nhân đồng giới. Trong vụ *Romer kiện Evans* (1996), đa số Tòa án Tối cao với tỷ lệ 6-3 dựa trên nguyên tắc về bảo vệ bình đẳng đã bác bỏ một điều luật bổ sung hợp hiến của bang, theo đó ngăn cấm mọi qui định hiện tại cũng như tương lai nhằm bảo vệ con người trước phân biệt đối xử dựa trên ưu tiên giới tính. Mặc dù không thừa nhận người đồng tính thuộc tầng lớp được bảo vệ đặc biệt, song Tòa án Tối cao đã lên án điều luật bổ sung này, coi đây là một nỗ lực của bang nhằm đưa những người đồng tính trở thành những công dân hạng hai.

Năm 1971, Tòa án Burger tuyên bố địa vị người ngoại kiều - địa vị pháp lý của người nhập cư bất hợp pháp - là đáng ngờ về mặt hiến pháp, hứa sẽ xem xét cẩn trọng về mặt pháp lý các đạo luật phân biệt giữa công dân Mỹ với người không có tư cách công dân. Những quyết định sau này đã bác bỏ một số đạo luật, theo đó chỉ dành lợi ích công cộng cho những người có tư cách công dân. Đồng thời, các thẩm phán cũng cho thấy rõ ràng là những đạo luật liên bang thông qua có phân biệt giữa người có tư cách công dân với những người ngoại kiều cần được tôn trọng hơn so với những đạo luật tương tự được các bang thông qua. Các thẩm phán này cũng thừa nhận một ngoại lệ của quy định chung về đối xử bình đẳng giữa công dân và những người không có tư cách công dân, ủng hộ một số quy định hạn chế dành riêng các việc làm công cộng cho những người có tư cách công dân.

Trước mối quan hệ chung giữa độ tuổi và khả năng thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến việc làm, Tòa án Tối cao đã bác bỏ việc phân loại nhóm theo độ tuổi dù có là "điều khá đáng ngờ" đi nữa. Tuy nhiên, khi ảnh hưởng chính trị của người già đang ngày càng tăng, không có gì ngạc nhiên khi Quốc hội thông qua một số biện pháp bảo vệ chống lại sự phân biệt đối xử theo tuổi tác. Ví như Đạo luật Dân quyền năm 1964 qui định yếu tố tuổi tác thuộc những hình thức phân biệt đối xử về việc làm bị cấm.

Kể từ sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai, cựu chiến binh và người Mỹ tàn tật đã tiến hành vận động Quốc hội để tìm kiếm sự bảo vệ chống lại phân biệt đối xử vì lý do khuyết tật. Năm 1990, một liên minh cam kết với đạo luật như vậy đã thuyết phục được Quốc hội thông qua Đạo luật về Người Mỹ Tàn tật (ADA). Bằng cách định nghĩa người tàn tật là người bị suy yếu về thể chất hoặc tinh thần dẫn tới hạn chế một trong nhiều "hoạt động trong cuộc sống", đạo luật đã đảm bảo những đối tượng điều chỉnh có



khả năng tiếp cận các phương tiện công cộng, cơ hội việc làm và các dịch vụ viễn thông, đồng thời yêu cầu người sử dụng lao động và các đối tượng khác phải thực hiện những điều chỉnh cần thiết để đảm bảo việc tuân thủ những mục tiêu đề ra của đạo luật này. Đạo luật ADA đã tiến một bước dài nhằm giảm bớt những cản trở mà người tàn tật gặp phải trong vấn đề việc làm, giáo dục và các vấn đề khác. Tuy nhiên, một số phán quyết của Tòa án Tối cao đã giải thích các điều khoản của đạo luật này theo nghĩa hẹp. Chẳng hạn như, trong một vụ án năm 1999, đa số phán quyết rằng đạo luật ADA không buộc một hãng hàng không phải thuê phi công cận thị mặc dù khuyết tật này có thể khắc phục được.

## TRANH LUẬN XOAY QUANH VẤN ĐỀ HÀNH ĐỘNG QUẢ QUYẾT

Tòa án của Burger và Rehnquist cũng gặp phải vấn đề phân biệt đối xử mà Tòa án của Warren không có nghĩa vụ phải giải quyết - tranh luận phức tạp xoay quanh "hành động quả quyết". Trong nỗ lực nhằm khắc phục những ảnh hưởng do những thành kiến trong quá khứ gây ra đối với các nhóm người thiểu số và phụ nữ trong vấn đề việc làm và giáo dục đại học, kể từ những năm 60, các cơ quan chính phủ và các trường đại học đã xây dựng các chương trình, trong đó dành nhiều mức độ ưu đãi khác nhau cho các nhóm thiểu số và phụ nữ trong việc xét nhập học, việc làm và thăng tiến. Những người ủng hộ chương trình này cho rằng đây chỉ là các biện pháp tạm thời nhằm đảm bảo đối xử bình đẳng với những người thuộc các nhóm dân cư trong lịch sử vốn bị phân biệt đối xử và nhằm thúc đẩy việc hình thành một xã hội thống nhất thực sự. Hơn thế nữa, những người ủng hộ cho hành động quả quyết còn nhấn mạnh rằng trong khi đàn ông da trắng, bị coi là nạn nhân của những chương trình này, phải chịu "sự phân biệt ngược lại", nhưng không thể so sánh nhóm này với những người Mỹ gốc Phi và các nhóm dân cư khác vốn từ lâu bị ngược đãi vì lý do chủng tộc hoặc màu da và do đó giờ đây họ được pháp luật bảo vệ đặc biệt. Bên cạnh quan điểm cho rằng các chương trình hành động quả quyết tạo nên "sự phân biệt ngược lại" không hợp hiến, những người chỉ trích còn cho rằng hành động quả quyết đi ngược với khái niệm của một bản Hiến pháp "không phân biệt màu da", vi phạm nguyên tắc về sự tiến bộ dựa vào giá trị, làm cho thù nghịch chủng tộc trở lên trầm trọng thêm và có thể tạo ra cảm giác tự ti cho những người là mục tiêu giúp đỡ của các chương trình.

Phản ứng của Tòa án Tối cao đối với các vụ kiện về các chương trình hành động quả quyết rất khác nhau. Trong vụ đầu tiên, vụ *Nhân viên hội đồng quản trị Trường Đại học California kiện Bakke* (1978), Tòa án Tối cao đã gặp phải một hệ thống chỉ tiêu theo đó trong số 100 suất sinh viên năm đầu tiên tại trường y của nhà nước, có 16 suất dành riêng cho những thí sinh thuộc các nhóm người thiểu số. Thẩm phán Lewis Powell, người đã đưa ra quan điểm chính trong vụ này, đã có vai trò then chốt trong phán quyết của Tòa án. Phát biểu nhân danh chính bản thân mình và 4 thẩm phán khác, thẩm phán Powell đã bác bỏ chỉ tiêu này. Các thẩm phán cho rằng mọi hình thức phân loại theo chủng tộc đều phải được xem xét chặt chẽ về mặt pháp lý bất chấp chủng tộc bị tác động; và không một lợi ích nào có thể thuyết phục để ủng hộ một chính sách chiêu sinh dựa duy nhất vào yếu tố chủng tộc. Tuy nhiên, Thẩm phán Powell và 4 quan tòa khác cũng cho rằng lợi ích của bang khi đảm bảo một lượng sinh viên đa dạng là hợp lý để biện hộ cho việc xem xét yếu tố chủng tộc cùng với các yếu tố khác trong quyết định cho phép nhập học.

Trong vụ *Steelworkers kiện Weber* được phán quyết năm sau đó, nhóm đa số trong Tòa án Tối cao đã ủng hộ quyết định chung của một công ty và công đoàn của công nhân, theo đó dành 50% vị trí làm

việc cho những nhóm người thiểu số cho tới khi tỷ lệ phần trăm của nhóm người thiểu số trong lực lượng lao động đạt xấp xỉ tỷ lệ của nhóm dân thiểu số trong lực lượng lao động trong vùng. Brian Weber, một công nhân da trắng vốn không đồng tình với chỉ tiêu này của công ty, chủ yếu cho rằng nó đã vi phạm các điều khoản chống phân biệt đối xử về việc làm trong Đạo luật Dân quyền năm 1964. Tuy nhiên, nhóm đa số của Tòa án Tối cao đã phán quyết rằng đạo luật này không điều chỉnh các quyết định tự nguyện của công ty nhằm ấn định một chỉ tiêu theo chủng tộc như một công cụ khắc phục những ảnh hưởng của nạn phân biệt đối xử về việc làm diễn ra trước đây trong một vùng.

Trong nhiệm kỳ còn lại của Chánh Thẩm phán Burger, Tòa án Tối cao đã ủng hộ và làm mất hiệu lực của một loạt các biện pháp hành động quả quyết khác nhau. Trong vụ *Fullilove kiện Klutznick* (1980), trong phán quyết ủng hộ một đạo luật của Quốc hội theo đó dành một tỷ lệ phần trăm quỹ việc làm công của liên bang cho các nhóm người thiểu số, các thẩm phán cho rằng các chương trình hành động quả quyết của liên bang phải được tôn trọng hơn so với các chương trình tương tự của các bang và địa phương. Dưới thời Chánh Thẩm phán Rehnquist, ban đầu các thẩm phán cũng ủng hộ quan điểm này của Tòa án của Burger. Tuy nhiên, trong vụ *Công ty Adarand Constructor kiện Pena* (1995), đa số cho rằng các chương trình của liên bang và của các bang đều phải được xem xét chặt chẽ về mặt pháp lý như nhau.

Quan điểm phản đối Tòa án Tối cao gần đây đối với hành động quả quyết cũng mở rộng sang quá trình bầu cử. Trong vụ *Shaw kiện Hunt* (1996) và trong các phán quyết khác, Tòa án Tối cao cho phép cử tri da trắng không thừa nhận các khu vực được gọi là các khu vực bầu cử quốc hội đa số-thiểu số, nơi bầu ra nghị sĩ Hạ viện Mỹ. Dưới áp lực của Bộ Tư pháp sau cuộc tổng điều tra dân số quốc gia năm 1990, nhiều bang đã thành lập các khu vực nơi những người Mỹ gốc Phi và gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha hình thành đa số cử tri bỏ phiếu; tại những khu vực bầu cử này, các ứng cử viên thuộc nhóm người thiểu số có nhiều cơ hội được bầu vào Quốc hội hơn. Một mặt, Tòa án Tối cao ủng hộ các khu vực bầu cử đặc biệt này bằng ủng hộ tính hợp hiến của các điều luật bổ sung năm 1982 đến Đạo luật về Quyền Bầu cử năm 1965. Các điều luật bổ sung này quy định rằng luật bầu cử của bang sẽ không có hiệu lực nếu các đạo luật này có nội dung phân biệt đối xử và làm cho các cử tri thuộc các nhóm người thiểu số có ít cơ hội bầu chọn các ứng cử viên của mình. Tuy nhiên, nhóm đa số sát sao trong Tòa án Tối cao cũng đã phán quyết rằng các khu vực bầu cử đa số - thiểu số là không hợp hiến nếu được hình thành chủ yếu vì mục đích chủng tộc nhằm đảm bảo bầu chọn ra các ứng cử viên thuộc nhóm người thiểu số.

## CƯƠNG LĨNH VỀ BÌNH ĐẲNG CÁ NHÂN

Thông qua các phán quyết tòa án, đạo luật của quốc hội và việc thực thi của cơ quan hành pháp và những thay đổi trong quan điểm của công chúng, xã hội Mỹ đã dần công nhận quyền của những nhóm người thiểu số trong luật. Nước Mỹ phần lớn đã xóa bỏ các hình thức bất bình đẳng rõ ràng mà người Mỹ gốc Phi và các nhóm thiệt thòi khác trong lịch sử lâu nay vốn phải chịu đựng. Chúng ta đang gần tới ngày khi quan điểm bất đồng nổi tiếng của Thẩm phán Harlan trong phán quyết vụ *Plessy* năm 1896 trở nên đúng đắn về căn bản "Xét theo Hiệp pháp, theo quy định pháp luật, ở quốc gia này không có tầng lớp dân cư nào là tầng lớp cầm quyền thống trị có địa vị cao. Không có đẳng cấp ở đây."

Cuộc đấu tranh nhằm xóa bỏ phân biệt đối xử với các nhóm người thiểu số tại nước Mỹ chủ yếu diễn ra tại tòa án và trong Quốc hội và cơ quan lập pháp của các bang. Các nỗ lực này thành công vì hai lý do. Một là pháp quyền và niềm tin vĩnh cửu của người Mỹ, thậm chí nếu có cá nhân hoặc các nhóm dân cư không đồng tình với của tòa hoặc các cơ quan lập pháp trong quá trình xây dựng chính sách, thì họ vẫn có nghĩa vụ phải tuân thủ chính sách đó. Nếu họ không đồng tình với chính sách hoặc đạo luật nào đó, họ có thể tiến hành vận động các cơ quan lập pháp và khởi kiện tại tòa, thay vì gây bạo lực trên đường phố.

Lý do thứ hai đó là niềm tin tôn giáo của người dân Mỹ, như thể hiện trong Hiến pháp, Tuyên ngôn Độc lập và truyền thống lâu đời của các cơ quan lập pháp và tòa án cho rằng tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng và đều có quyền được pháp luật bảo vệ bình đẳng. Thậm chí nếu một cá nhân Mỹ không ưa một nhóm dân cư nào đó vì màu da, lối sống hoặc ngôn ngữ của họ, thì cương lĩnh phổ biến về bình đẳng cá nhân buộc người dân Mỹ phải xóa bỏ đi những định kiến của mình. Mặc dù vẫn chưa thoát khỏi lịch sử phân biệt đối xử với những nhóm người cụ thể, song cuối cùng nước Mỹ đã công khai cam kết xóa bỏ mọi tàn dư của nạn phân biệt chủng tộc và những hình thức định kiến khác.

Trong khi hai niềm tin - vào pháp quyền và bình đẳng cá nhân - có mối liên quan chặt chẽ tới những kinh nghiệm lịch sử của nước Mỹ, thì có một nguyên tắc chung được áp dụng ở khắp mọi nơi đó là: Các cá nhân phải được đối xử bình đẳng theo pháp luật. Nếu không, quốc gia đó sẽ gặp phải sự đấu tranh của người dân.

## ĐỌC THÊM

*Charles A. Lofgren*, Vụ Plessy (Oxford, 1987)

*Richard F. Kluger*, Công lý Đơn giản: Lịch sử vụ Brown kiện Hội đồng Giáo dục và Cuộc đấu tranh đòi bình đẳng của người da đen (Knopf, 1976)

*J. Harvie Wilkinson, III*, Từ Brown đến Bakke (Oxford, 1979)

*Deborah Rhode*, Công lý và Giới (Harvard, 1989)

*Andrew Kull*, Hiến pháp không phân biệt màu da (Harvard, 1994)

---

*Tinsley E. Yarbrough* là Giáo sư ưu tú về Văn chương và Khoa học của Bộ môn Khoa học Chính trị, Trường Đại học Đông Carolina tại Greenville, N.C. Ông là tác giả của nhiều cuốn sách viết về nhiều luật gia, bao gồm Thẩm phán Tòa án Tối cao Hugo L. Black và hai thẩm phán (là hai ông cháu) có tên là John Marshall Harlan. Cuốn sách gần đây nhất của ông là Cuốn TBA ủa Rehnquist vụ Hiôn ph ủa (Oxford, 2000) và TBA ủa Burger: Công lý, Ph ủa quyết vụ Di sản ủa (ABC-CLIO, 2001).

Toàn văn bằng tiếng Anh có trên Internet tại:

<http://usinfo.state.gov/products/pubs/democracy/dmpaper11.htm>